

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

Bản án số: 107/2026/HS-PT
Ngày: 24-6-2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Thọ

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh

Ông Nguyễn Ngọc Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hà Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 130/2026/TLPT-HS ngày 21 tháng 5 năm 2026 đối với các bị cáo **Đặng Hồng P** và **Kiều Quang M**. Do có kháng cáo của bị cáo **Đặng Hồng P** và **Kiều Quang M** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2026/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực M – Đồng Tháp.

Bị cáo có kháng cáo:

1. **Đặng Hồng P**, sinh năm 1991; tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: ấp P, xã A, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T (đã chết) và bà Đặng Thị T1, sinh năm 1969; vợ và 03 con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không;

2. **Kiều Quang M**, sinh năm 1997; tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: ấp P, xã P, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiều Quang D, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1974; có vợ và 03 con: con lớn sinh năm: 2020, con nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự, nhân thân: không;

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Hồng P và Kiều Quang M: Luật sư Nguyễn Văn C – Công ty L1 và Cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

Địa chỉ: Số E, ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Đặng Hồng P và bị cáo Kiều Quang M là người làm thuê cho bà Nguyễn Thị Thúy L, chuyên kinh doanh mua bán các loại khô cá, tại cơ sở 1 tại ấp N, xã A, tỉnh Đồng Tháp và cơ sở 2 tại ấp P, xã P, tỉnh Đồng Tháp, do bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1993 đứng tên đại diện Hộ kinh doanh. Công việc chính của P là làm tài xế điều khiển xe ô tô tải biển số 66A – 420.90, trọng tải 2,4 tấn, vận chuyển khô từ cơ sở 1 qua cơ sở 2 và ngược lại, đi giao khô cho khách; M phụ giúp công việc làm khô, khiêng vác.

Khoảng đầu tháng 4/2025, bị cáo P không có tiền tiêu xài cá nhân nên P nảy sinh ý định lợi dụng trong quá trình vận chuyển khô, trên đường đi khi đến đoạn đường vắng rồi dừng xe lấy khô của cơ sở kinh doanh của bà Thúy L bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Thực hiện ý định nêu trên, bị cáo P rủ rê bị cáo M cùng tham gia và nhận được sự đồng ý của M. Sau đó cả hai bàn bạc cách thức thực hiện như sau: khi có chuyến vận chuyển khô đi bằng xe tải, P thông báo cho M biết để M điều khiển xe mô tô đi theo sau; khi đến đoạn đường vắng, P dừng xe rồi cùng M lấy khô để lên xe mô tô cho M chở đi bán, rồi đem tiền về chia với bị cáo P. Với cách thức nêu trên, từ tháng 4/2025 đến ngày 07/7/2025 hai bị cáo đã chiếm đoạt khô cá lóc, loại 1 nặng của bị hại 04 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào khoảng đầu tháng 4/2025 (không nhớ ngày cụ thể), P được phân công vận chuyển khô cá lóc, loại 1 nặng từ cơ sở 2 qua cơ sở 1 bằng xe ô tô tải biển số 66A – 420.90, P thông báo cho M biết, M điều khiển xe mô tô đi theo sau. Khi đến khu vực đoạn đường vắng gần cầu K, thuộc ấp C, xã A, tỉnh Đồng Tháp, P dừng xe tải rồi cùng M lấy 02 bao khô cá lóc, loại 1 nặng, để xuống xe mô tô biển số 66N1- 146.12 M chở 02 bao khô đến địa phận xã T, tỉnh Đồng Tháp, bán cho một người lạ mặt với giá 90.000 đồng/1 kg, được số tiền 5.600.000 đồng, như vậy số lượng khô mà hai bị cáo chiếm đoạt lần này là 62,2 kg. M và P chia tiền được mỗi người 2.800.000 đồng.

Lần 2: Vào khoảng tháng 5/2025 (không nhớ ngày cụ thể), P được phân công vận chuyển khô từ cơ sở 2 để giao cho khách tại T, tỉnh An Giang bằng xe ô tô tải biển số 66A – 420.90. Trên đường đi, không nhớ địa điểm cụ thể, bị cáo P tự ý lấy khô cá lóc, loại 1 nặng bán cho một người đàn ông không rõ nhân thân, số lượng 24 kg, giá bán 100.000 đồng/1 kg, được số tiền 2.400.000 đồng. Sau khi về nhà, bị cáo P tự chia cho bị cáo M số tiền 1.200.000 đồng.

Lần 3: Vào khoảng đầu tháng 6/2025 (không nhớ ngày cụ thể), cách thức giống như lần thứ 1, hai bị cáo lấy 01 bao khô cá lóc, loại 1 nặng. M chở bao khô đến địa phận ấp P, xã T, tỉnh Đồng Tháp, bán cho một người lạ mặt với giá 90.000 đồng/1 kg, được số tiền 2.700.000 đồng, như vậy số lượng khô mà hai bị cáo chiếm đoạt lần này là 30 kg. M và P chia tiền được mỗi người 1.350.000 đồng.

Lần 4: Đến khoảng 06 giờ ngày 07/07/2025, P tiếp tục được giao điều khiển xe ô tô tải biển số 66A – 420.90, vận chuyển khô từ cơ sở 2 qua cơ sở 1 bằng xe ô tô tải biển số 66A – 420.90, P thông báo cho M biết. Khi P điều khiển xe ô tô tải chạy ngang nhà, M nhìn thấy P nên M hiểu và lấy 02 bao để lên ba ga xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn đen - đỏ, biển số 66N1 -

146.12, rồi M chạy theo phía sau xe tải mà P điều khiển.

Khi đến khu vực vắng người thuộc ấp C, xã A, P dừng xe tải đợi M đến. M thấy xe tải của P điều khiển đang đậu cập lề đường nên M điều khiển xe mô tô đến đậu phía sau thùng xe tải. Lúc này M lấy 02 bao đưa P, P lên thùng xe tải rồi P đổ khô cá lóc, loại 1 nắng từ khay nhựa vào bao. Khi 02 bị cáo lấy được 01 bao khô để trên ba ga xe mô tô của M thì lúc này ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1972, là cha ruột của bà Thúy L đi theo dõi phía sau phát hiện, bắt giữ và dẫn giải đối tượng, cùng tang vật đến Cơ quan Công an trình báo. Tại Cơ quan Công an tiến hành cân số lượng khô mà 02 đối tượng đã lấy là 68,15kg.

* Ngày 03/11/2025 Cơ quan điều tra đã tiến hành cho bị cáo P và bị cáo Minh xác Đ trọng lượng khô cá lóc, loại một nắng đã chiếm đoạt trong ba lần nêu trên như sau: lần 1 số lượng 62,2kg; lần 2 số lượng 24kg; lần 3 số lượng 30kg.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-ĐGTS ngày 10/11/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân xã A, kết luận: tại thời điểm các bị can chiếm đoạt tài sản, 01 kg khô cá lóc, loại 1 nắng, có giá trị định giá là 107.000 đồng. Như vậy, giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là lần 1: 6.655.000 đồng; lần 2 là 2.568.000 đồng; lần 3 là 3.210.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 1146/KL-HĐĐGTS, ngày 13/08/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng tỉnh Đồng Tháp, kết luận: 01 kg khô cá lóc, loại 1 nắng có giá trị định giá là 107.000 đồng. Như vậy, 68,15kg x 107.000 đồng = 7.292.000 đồng.

* Tài liệu, đồ vật thu giữ và xử lý gồm:

- 68,15kg khô cá lóc, loại 1 nắng; 03 khay nhựa màu vàng, đã qua sử dụng, đây là tài sản của bà Thúy L, trong quá trình điều tra đã trao trả lại cho bà Thúy L theo quy định.

- 01 xe mô tô biển số 66N1- 146.12, loại xe Sirius, màu sơn đen - đỏ, số máy 1FC3054736, số khung RLCS1TC30EY054724, đã qua sử dụng. Đây là xe mô tô của bà Nguyễn Thị T2, mẹ ruột bị can M, đứng tên sở hữu. Bà T2 sử dụng xe mô tô này làm phương tiện đi lại, ngày 07/7/2025 bị can M tự ý lấy xe mô tô này đi phạm tội, bà T2 không hay biết gì, đồng thời yêu cầu cho nhận lại xe. Trong giai đoạn điều tra Cơ quan điều tra đã trao trả xe mô tô cho bà T2 theo quy định.

- 01 điện thoại di động, loại cảm ứng, nhãn hiệu Vivo, màu xanh, đã qua sử dụng, đây là tài sản riêng của bà Huỳnh Thị Huỳnh H, vợ bị can M, qua kiểm tra không có thông tin liên quan đến hành vi phạm tội. Do điện thoại của M bị hư nên M mượn điện thoại của bà H sử dụng. Bà H không biết việc bị can M sử dụng điện thoại này liên lạc với P. Bà H yêu cầu nhận lại điện thoại, vì hoàn cảnh khó khăn không có tiền mua điện thoại mới sử dụng. Trong giai đoạn điều tra Cơ quan điều tra đã trao trả điện thoại này cho bà H theo quy định.

- Tài sản thu giữ chưa xử lý: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11, màu xám; 02 bao nhựa, màu xanh và màu trắng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2026/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực M – Đồng Tháp đã quyết định:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175, Điều 17, Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đặng Hồng P phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Xử phạt bị cáo Đặng Hồng P: 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175, Điều 17, Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Kiều Quang M phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Xử phạt bị cáo Kiều Quang M: 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Các ngày 08 và 09 tháng 4 năm 2026, bị cáo Kiều Quang M và Đặng Hồng P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin được hưởng án treo.

- ***Tại phiên toà phúc thẩm:*** Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị cáo P cung cấp: Đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại; xác nhận là lao động chính, làm thuê nuôi mẹ già, hoàn cảnh kinh tế khó khăn; Ông ngoại là người có công với cách mạng (được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất).

Bị cáo M cung cấp: Đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại; xác nhận là lao động chính, làm thuê nuôi con nhỏ, hoàn cảnh kinh tế khó khăn; Ông nội là người có công với cách mạng (được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì).

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:***

Hành vi của các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo; Tại phiên toà phúc thẩm, cung cấp các tình giảm nhẹ như: Các bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có người thân có công với cách mạng.

Tuy nhiên, xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, đã có xem xét, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và đã áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và các bị cáo cũng không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

- ***Người bào chữa cho các bị cáo Đặng Hồng P và Kiều Quang M phát biểu:*** Thống nhất với tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo. Tuy nhiên các bị cáo ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Ngoài ra các bị cáo có nhân thân tốt, nhận thức pháp

luật có phần hạn chế, lao động chính trong gia đình, đang nuôi mẹ già, đang bị mắc nhiều bệnh, có người thân có công với cách mạng. Nên đề nghị xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo P và M nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo P và M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định:

Vì muốn có tiền tiêu xài, nên lợi dụng việc được chị L giao làm tài xế vận chuyển hàng đi giao cho khách và vận chuyển khô từ cơ sở 1 qua cơ sở 2, bị cáo P rủ bị cáo M chiếm đoạt khô cá trên đường đi là tài sản của chị L để bán, với giá trị chiếm đoạt lần 1: $62,2\text{kg} \times 107.000\text{đ/kg} = 6.655.400\text{đ}$; lần 2: $24\text{ kg} \times 107.000\text{đ/kg} = 2.568.000\text{đ}$; lần 3: $30\text{kg} \times 107.000\text{đ/kg} = 3.210.000\text{đ}$; lần 4: $68,15\text{kg} \times 107.000\text{đ/kg} = 7.292.000\text{đ}$.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo P và M đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định:

“Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;”

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi đó đã ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe để lao động tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải lao động vất

vả nên các bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo thừa biết hành vi của mình là trái pháp luật và sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Chứng tỏ hành vi của các bị cáo là xem thường pháp luật, cố ý và tội phạm đã hoàn thành.

Xét thấy đây vụ án tính chất đồng phạm giản đơn. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo P rủ rê bị cáo M và cùng bị cáo M thực hiện hành vi phạm tội. Nên bị cáo P là người chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo P và M về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Các bị cáo P và M có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo.

Bị cáo P cung cấp: Đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại; xác nhận là lao động chính, làm thuê nuôi mẹ già, hoàn cảnh kinh tế khó khăn; Ông ngoại là người có công với cách mạng (được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất).

Bị cáo M cung cấp: Đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại; xác nhận là lao động chính, làm thuê nuôi con nhỏ, hoàn cảnh kinh tế khó khăn; Ông nội là người có công với cách mạng (được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì).

Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự.

Tuy nhiên, xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, đã có cân nhắc, xem xét nhân thân, cũng như các tình tiết giảm nhẹ và đã áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Mặt khác các bị cáo cũng không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo P và M về tội danh, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt là hoàn toàn phù hợp nên chấp nhận.

[6] Xét lời phát biểu của người bào chữa cho các bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ là có căn cứ nên chỉ chấp nhận. Về việc đề nghị cho các bị cáo hưởng án treo là chưa phù hợp như đã phân tích ở trên nên không chấp nhận.

[7] Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Hồng P và Kiều Quang M. Giữ nguyên phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Đặng Hồng P và Kiều Quang M.

2. Tuyên bố các bị cáo Đặng Hồng P và Kiều Quang M phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175, Điều 17, Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Hồng P 09 (chín) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175, Điều 17, Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Kiều Quang M 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đặng Hồng P và Kiều Quang M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực M – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HS (Vy).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Thọ